



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC DỮ LIỆU GỐC, DỮ LIỆU CHỦ NGÀNH NỘI VỤ
(Kèm theo Quyết định số 672 /QĐ-BNV ngày 17 /6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
1	Cơ sở dữ liệu tổ chức, bộ máy					
1	Cơ quan quản lý			String		x
2	Mã định danh tổ chức			String		x
3	Tên gọi			String		x
4	Tên viết tắt			String		x
5	Loại hình tổ chức			String		x
6	Ngày thành lập			date		x
7	Số quyết định thành lập			String		x
8	Cơ quan ban hành số quyết định thành lập			String		x
9	File đính kèm Quyết định thành lập			file		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
10	Hạng của tổ chức hành chính			String		x
11	Vị trí chức năng			String		x
12	File chức năng, nhiệm vụ đính kèm			file		x
13	Thông tin về pháp nhân tổ chức			String		x
14	Địa chỉ chi tiết			String		x
15	Email			String		x
16	Số điện thoại			String		x
17	Website			String		x
18	Thông tin khác			String		x
19	Số lượng cấp phó theo quy định			int	x	
20	Số cấp phó có mặt tại thời điểm báo cáo			int	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
21	File quyết định giao đính kèm			file	x	
22	Số biên chế công chức theo vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành được giao			int	x	
23	Số biên chế công chức theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung được giao			int	x	
24	Số công chức theo vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành có mặt			int	x	
25	Số công chức theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung có mặt			int	x	
26	Số hợp đồng lao động theo vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành được giao			int	x	
27	Số hợp đồng lao động theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung được giao			int	x	
28	Số hợp đồng lao động theo vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ được giao			int	x	
29	Số lao động hợp đồng theo vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành có mặt			int	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
30	Số lao động hợp đồng theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung có mặt			int	x	
31	Số hợp đồng lao động theo vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ có mặt			int	x	
32	Số lượng người ở vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý được giao			int	x	
33	Số lượng người ở vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý			int	x	
34	Số lượng người ở vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ, chuyên ngành được giao			int	x	
35	Số lượng người ở vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ, chuyên ngành			int	x	
36	Số lượng người ở vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung được giao			int	x	
37	Số lượng người ở vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung			int	x	
38	Số lượng người ở vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ được giao			int	x	
39	Số lượng người ở vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			int	x	
40	Lý do tinh giản			String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
41	Chính sách thôi việc			String	x	
42	Chính sách khác			String	x	
43	Chính sách nghỉ hưu trước tuổi			String	x	
44	Tổng số tinh giản			int	x	
2	Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính					
	Đại biểu HĐND các cấp					
1	Họ và tên		Họ và tên của đối tượng	String		x
2	Ngày sinh		Ngày sinh	Date		x
3	Căn cước công dân		Căn cước công dân	String		x
4	Chức vụ trong HĐND	CQDP1	Chức danh của đối tượng	String		x
5	Giới tính	CQDP2	Giới tính	String		x
6	Thông tin về Đảng	CQDP3	DM Đảng viên	String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
7	Thông tin về dân tộc	CQDP4	Phân loại dân tộc	String		x
8	Thông tin về tôn giáo	CQDP5	Có/không theo tôn giáo	String		x
9	Nhóm tuổi	CQDP6	Nhóm tuổi thống kê	Number		x
10	Trình độ giáo dục phổ thông	CQDP7	Trình độ học vấn	String		x
11	Trình độ chuyên môn	CQDP8	Trình độ đào tạo	String		x
12	Trình độ lý luận chính trị	CQDP9	Trình độ LLCT	String		x
13	Trình độ ngoại ngữ	CQDP10	Ngoại ngữ	String		x
14	Trình độ tin học	CQDP11	Tin học	String		x
	Thành viên UBND các cấp					
15	Họ và tên		Họ và tên của đối tượng	String		x
16	Ngày sinh		Ngày sinh	Date		x
17	Căn cước công dân		Căn cước công dân	String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
18	Chức vụ UBND	CQDP12	Chức danh	String		x
19	Tình trạng kiêm nhiệm	CQDP13	Ghi chú	String		x
20	Giới tính	CQDP14	Nam/Nữ	String		x
21	Thông tin Đảng	CQDP15	Đảng viên	String		x
22	Dân tộc	CQDP16	Dân tộc	String		x
23	Tôn giáo	CQDP17	Tôn giáo	String		x
24	Nhóm tuổi	CQDP18	Nhóm tuổi	Number		x
25	Trình độ phổ thông	CQDP19	Học vấn	String		x
26	Trình độ chuyên môn	CQDP20	Chuyên môn	String		x
27	Lý luận chính trị	CQDP21	LLCT	String		x
28	Ngoại ngữ	CQDP22	Ngoại ngữ	String		x
29	Tin học	CQDP23	Tin học	String		x
Lãnh đạo chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương						
30	Họ và tên		Họ và tên của đối tượng	String	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
31	Ngày sinh		Ngày sinh	Date		x
32	Căn cước công dân		Căn cước công dân	String		x
33	Chức vụ	CQDP24	Chức danh	String	x	
34	Giới tính	CQDP25	Nam/Nữ	String		x
35	Thông tin Đảng	CQDP26	Đảng viên	String		x
36	Dân tộc	CQDP27	Dân tộc	String		x
37	Tôn giáo	CQDP28	Tôn giáo	String		x
38	Nhóm tuổi	CQDP29	Nhóm tuổi	Number		x
39	Trình độ phổ thông	CQDP30	Học vấn	String		x
40	Trình độ chuyên môn	CQDP31	Chuyên môn	String		x
41	Lý luận chính trị	CQDP32	LLCT	String		x
42	Ngoại ngữ	CQDP33	Ngoại ngữ	String		x
43	Tin học	CQDP34	Tin học	String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố					
44	Họ và tên		Họ và tên của đối tượng	String	x	
45	Ngày sinh		Ngày sinh	Date		x
46	Căn cước công dân		Căn cước công dân	String		x
47	Giới tính	CQDP35	Nam/Nữ	String		x
48	Chức danh	CQDP36	Chức danh	String		x
49	Thông tin Đảng	CQDP37	Đảng viên	String		x
50	Dân tộc	CQDP38	Dân tộc	String		x
51	Tôn giáo	CQDP39	Tôn giáo	String		x
52	Nhóm tuổi	CQDP40	Nhóm tuổi	Number		x
53	Trình độ phổ thông	CQDP41	Học vấn	String		x
54	Trình độ chuyên môn	CQDP42	Chuyên môn	String		x
55	Lý luận chính trị	CQDP43	Lý luận chính trị	String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
56	Ngoại ngữ	CQDP44	Ngoại ngữ	String		x
57	Tin học	CQDP45	Tin học	String		x
	Thôn, tổ dân phố					
58	Số lượng thôn	DGHC1	Tổng số thôn	String	x	
59	Thôn ≥ 350 hộ	DGHC2	Quy mô ≥ 350 hộ	Number		x
60	Số tổ dân phố	DGHC3	Tổng số tổ dân phố	Number	x	
61	TDP ≥ 500 hộ	DGHC4	Quy mô ≥ 500 hộ	Number		x
62	Phân loại xã loại I	DGHC5	Theo xã loại I	Number		x
63	Phân loại xã loại II	DGHC6	Theo xã loại II	Number		x
64	Khu vực hải đảo	DGHC7	Hải đảo	String	x	
65	Vùng bãi ngang	DGHC8	Ven biển	String	x	
66	Vùng trọng điểm	DGHC9	Theo quy định	String	x	
67	Vùng đặc biệt khó khăn	DGHC10	Miền núi, DTTS	String	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
	Đơn vị hành chính các cấp					
68	Địa giới hành chính	DGHC11	Ranh giới	String	x	
69	Mã định danh	DGHC12	ID đơn vị	String		x
70	Diện tích tự nhiên	DGHC13	Diện tích	Number	x	
71	Dân số thường trú	DGHC14	Quy mô dân số	Number	x	
72	Dân số tạm trú	DGHC15	Tạm trú	Number	x	
73	Dân số trung bình	DGHC16	Trung bình năm	Number		x
74	Dân số đô thị	DGHC17	Khu đô thị	Number		x
75	Dân số nông thôn	DGHC18	Khu nông thôn	Number		x
76	Loại đơn vị hành chính	DGHC19	I, II, III	Number	x	
77	Thuộc vùng miền	DGHC20	Miền núi, hải đảo	Number	x	
78	Biên giới đất liền	DGHC21	Có/không	Number	x	
79	Biên giới biển	DGHC22	Có/không	Number	x	
80	Hải đảo	DGHC23	Có/không	Number	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
81	Đơn vị nghèo	DGHC24	Đặc biệt khó khăn	String	x	
82	Vùng ven biển	DGHC25	Bãi ngang	String	x	
83	Nông thôn mới	DGHC26	Có/không	String	x	
84	Khu ATK	DGHC27	An toàn khu	String	x	
85	Di sản UNESCO	DGHC28	Có/không	String	x	
86	Di tích quốc gia đặc biệt	DGHC29	Có/không	String	x	
87	Trung tâm du lịch quốc tế	DGHC30	Có/không	String	x	
88	Trung tâm du lịch quốc gia	DGHC31	Có/không	String	x	
89	Trung tâm du lịch quốc gia/quốc tế	DGHC32	Xác định đơn vị hành chính là trung tâm du lịch quốc gia hoặc quốc tế	String	x	
90	Bản đồ vị trí mốc địa giới	DGHC33	Thể hiện bản đồ, sơ đồ vị trí và địa giới hành chính	Map	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
91	Bản đồ mô tả tình hình chung	DGHC34	Mô tả hình chung và đường địa giới hành chính liên kê	Map		x
92	Bản đồ tọa độ đặc trưng	DGHC35	Tọa độ các điểm đặc trưng địa giới hành chính	Map		x
93	Bản đồ thống kê thủy hệ	DGHC36	Thống kê địa giới theo hệ thống ký hiệu	Map		x
94	Bản đồ thống kê sơn văn	DGHC37	Thống kê kèm số liệu liên quan địa giới	Map		x
95	Biên bản bàn giao mốc	DGHC38	Thông tin mốc, điểm giao mốc địa giới	Map		x
96	Quyết định thành lập/điều chỉnh đơn vị hành chính	DGHC39	Quyết định thành lập, chia, điều chỉnh địa giới	Map	x	
97	Tài liệu hành chính liên quan	DGHC40	Các tài liệu bản đồ, địa giới hành chính liên quan	Map		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
3	Cơ sở dữ liệu hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ					
	Phiếu thông tin về hội					
	Thông tin chung về hội					
1	Tên hội (tiếng Việt)				X	X
2	Tên viết tắt				X	X
3	Biểu tượng (logo) hội				X	X
4	Mã số hội				X	X
5	Cấp tổ chức				X	X
6	Trạng thái pháp lý (đã duyệt/chưa duyệt)				X	X
7	Phạm vi hoạt động (toàn quốc/địa phương)				X	X
	Thông tin pháp lý, Thành lập					
	Quyết định thành lập Hội					
8	Số, ký hiệu Quyết định thành lập				X	X
9	Ngày ban hành Quyết định				X	X

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
10	Cơ quan ban hành Quyết định				X	X
11	Người ký Quyết định				X	X
	Quyết định phê duyệt Điều lệ (nhiệm kỳ hiện tại)					
12	Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt Điều lệ				X	X
13	Ngày ban hành Quyết định				X	X
14	Cơ quan ban hành Quyết định				X	X
15	Người ký Quyết định				X	X
	Đại hội					
16	Năm tổ chức Đại hội nhiệm kỳ hiện tại				X	X
17	Thông tin tổ chức, hoạt động					
18	Tôn chỉ, mục đích của Hội				X	X
19	Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính				X	X
20	Lĩnh vực hoạt động chính				X	X
21	Tính chất hội				X	X

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
22	Loại hình hội				X	X
	Quá trình thành lập, hoạt động					
	Ban vận động thành lập Hội					
23	Số, ký hiệu Quyết định thành lập Ban vận động				X	X
24	Ngày ban hành				X	X
25	Cơ quan ban hành				X	X
26	Người ký				X	X
27	Danh sách thành viên Ban vận động (các trường cá nhân như mục IX)				X	X
	Quy trình tổ chức Đại hội					
28	Chủ tịch				X	X
	Phiếu thông tin về quỹ					
	Thông tin chung về quỹ					
29	Tên quỹ (tiếng Việt)				X	X
30	Tên quỹ (tiếng Anh)				X	X

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
31	Tên viết tắt				X	X
32	Biểu tượng (logo) quỹ				X	X
33	Mã số quỹ				X	X
34	Cấp tổ chức				X	X
35	Trạng thái pháp lý (đã duyệt/chưa duyệt)				X	X
36	Phạm vi hoạt động (toàn quốc/địa phương)				X	X
	Thông tin pháp lý, thành lập					
	Quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ					
37	Số, ký hiệu Quyết định thành lập				X	X
38	Ngày ban hành Quyết định				X	X
39	Cơ quan ban hành Quyết định				X	X
40	Người ký Quyết định				X	X
	Quyết định phê duyệt Điều lệ (nhiệm kỳ hiện tại)					
41	Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt Điều lệ				X	X

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
42	Ngày ban hành Quyết định				X	X
43	Cơ quan ban hành Quyết định				X	X
44	Người ký Quyết định				X	X
	Quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ					
45	Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt Điều lệ				X	X
46	Ngày ban hành Quyết định				X	X
47	Cơ quan ban hành Quyết định				X	X
48	Người ký Quyết định				X	X
	Thông tin tổ chức, hoạt động					
49	Tôn chỉ, mục đích của quỹ				X	X
50	Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính				X	X
51	Lĩnh vực hoạt động chính				X	X
52	Tính chất quỹ				X	X
53	Loại hình quỹ				X	X

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
4	Cơ sở dữ liệu người lao động					
	Thông tin cơ bản của người lao động					
1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	NLD001		String		x
2	Ngày, tháng, năm sinh	NLD002		Date		x
3	Số định danh cá nhân	NLD004		String		x
4	Nơi ở hiện tại (Nơi thường trú/Nơi tạm trú)	NLD005		String		x
5	Dân tộc	NLD007		Number		x
	Nhóm thông tin về giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, chứng chỉ kỹ năng nghề và các chứng chỉ khác					
6	Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất đạt được	NLD011		Number		x
7	Lớp	NLD012		Number		x
8	Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được (Chưa qua đào tạo/Công nhận kỹ thuật không có bằng hoặc chứng chỉ/Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia/Sơ cấp/Trung cấp/Cao đẳng/Đại học/Trên đại học)	NLD013		Number		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
9	Tên ngành nghề được đào tạo/công nhận	NLD014		String		x
10	Các chứng chỉ khác	NLD016		String		x
	Nhóm thông tin về tình trạng việc làm và nhu cầu việc làm					
11	Tình trạng tham gia hoạt động kinh tế (Có việc làm/Thất nghiệp/Không tham gia)	NLD017		Number		x
12	Lý do không tham gia hoạt động kinh tế (đi học, hưu trí, nội trợ, khác)	NLD018		Number		x
	Thông tin về việc đang làm					
13	Chức vụ/chức danh nghề	NLD019		String		x
14	Nghề nghiệp	NLD020		String		x
15	Loại hợp đồng (không có/xác định thời hạn/không xác định thời hạn)	NLD021		Number		x
16	Thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng	NLD022		Date		x
17	Địa điểm làm việc	NLD023		String		x
18	Thuộc khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ	NLD024		String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
Thông tin về người sử dụng lao động						
19	Tên người sử dụng lao động	NLD025		String		x
20	Mã số	NLD026		Number		x
21	Loại hình (cá nhân làm tự do (tự làm)/Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối/Cơ sở kinh doanh cá thể/ Hộ kinh doanh/ Hợp tác xã, tổ hợp tác/ Doanh nghiệp: (DN Nhà nước/ DN có vốn đầu tư nước ngoài) Khu vực nhà nước / Đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước/ Khu vực nước ngoài /Tổ chức đoàn	NLD027		Number		x
22	Địa chỉ trụ sở chính	NLD028		String		x
23	Ngành kinh tế	NLD029		String		x
Thông tin về tình trạng thất nghiệp						
24	Thời gian thất nghiệp (dưới 3 tháng/từ 3 tháng đến 1 năm/trên 1 năm)	NLD030		Number		x
25	Lý do thất nghiệp	NLD031		String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
	Thông tin về nhu cầu việc làm					
26	Nghề nghiệp mong muốn	NLD032		Number		x
27	Loại hợp đồng mong muốn	NLD033		Number		x
28	Mức lương mong muốn	NLD034		String		x
29	Chế độ phúc lợi mong muốn	NLD035		String		x
30	Nơi làm việc mong muốn	NLD036		String		x
31	Trạng thái tham gia BHXH, BHTN	NLD037		Number		x
	Thông tin về tình trạng tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp					
32	Mã số bảo hiểm xã hội	NLD038		Number		x
33	Loại bảo hiểm xã hội (không tham gia/ tự nguyện/ bắt buộc)	NLD040		Number		x
5	Cơ sở dữ liệu Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
1	Căn cước công dân/ Chứng minh thư nhân dân	HOTEN		Number		x
2	Họ và tên người lao động	GIOITINH		Nvarchar2		x
3	Giới tính	NGAYSINH		Char		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
4	Ngày tháng năm sinh	TINHTRANGHONNHAN		Date		x
5	Tình trạng hôn nhân	TINHTHANHPHO		Char		x
6	Tỉnh/ thành phố	PHUONGXA		Nvarchar2		x
7	Phường/ xã	PHUONGXA		Nvarchar2		x
8	Địa chỉ chi tiết	NOIOHIENTAI		Nvarchar2		x
9	Căn cước công dân/ Chứng minh thư nhân dân	SOCMT		Nvarchar2		x
10	Ngày cấp CCCD/CMND	NGAYCAPCMT		Date		x
11	Số hộ chiếu	SOHOCHIEU		Nvarchar2		x
12	Ngày cấp hộ chiếu	NGAYCAPHC		Date		x
13	Dân tộc	DANTOCID		Number		x
14	Tôn giáo	TONGIAOID		Number		x
15	Số điện thoại liên hệ	SODIENTHOAI		Nvarchar2		x
16	Trình độ học vấn	TRINHDOHOCVANID		Number		x
17	Trình độ chuyên môn	TRINHDOCHUYEN MONID		Number		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
18	Trình độ ngoại ngữ	TRINHDONGOAINGU		Nvarchar2		x
19	Nghề nghiệp	NGHENGHIEP		Nvarchar2		x
20	Trạng thái ở nước ngoài hay về nước	ISACTIVE		Char		x
21	Ngày khởi tạo dữ liệu	CREATETIME		Date	x	x
22	Ngày cập nhật dữ liệu	UPDATETIME		Date	x	x
23	Nơi sinh theo bảng danh mục tỉnh/thành phố	MANOISINH		Nvarchar2		x
24	Nơi làm việc	DONVICONGTAC		Nvarchar2		x
6	Cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
1	Thông tin doanh nghiệp/ tổ chức đưa lao động đi			Nvarchar2		x
2	Giấy phép hoạt động			Number	x	x
3	Cơ sở vật chất			String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
7	Cơ sở dữ liệu Người hưởng chính sách ưu đãi người có công					
	Thông tin dùng chung của người có công					
1	Mã hồ sơ Bộ quản lý	MaHoSoBo	Mã hồ sơ Bộ quản lý	String	x	x
2	Mã hồ sơ quản lý tại địa phương	MaHoSoDiaPhuong	Mã hồ sơ địa phương quản lý	String	x	x
3	Họ và tên	HoTen	Họ và tên người có công	String		x
4	Ngày sinh	NgaySinh	Ngày sinh	Date		x
5	Giới tính	MaGioiTinh	DM giới tính	Number		x
6	Số CCCD	SoCCCD	Số CCCD	String		x
7	Dân tộc	MaDanToc	DM dân tộc	Number		x
8	Tôn giáo	MaTonGiao	DM tôn giáo	Number		x
9	Trạng thái	TrangThai	DM Tình trạng	Number	x	x
10	Ngày chết	NgayChet	Ngày chết	Date	x	x
11	Số giấy báo tử	SoGiayBaoTu	Số giấy báo tử	String	x	x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
12	Ngày cấp giấy báo tử	NgayCapGiayBaoTu	Ngày cấp giấy báo tử	Date	x	x
13	Nguyên quán	NguyenQuan	Thông tin địa chỉ nguyên quán	Object		x
14	Quê quán	QueQuan	Thông tin địa chỉ quê quán	Object		x
15	Nơi thường trú	ThuongTru	Thông tin địa chỉ thường trú	Object		x
16	Trạng thái xác định liệt sĩ	TrangThaiXacDinhLietSi	DM trạng thái xác định liệt sĩ	Number	x	x
Thông tin quá trình hoạt động và tham gia kháng chiến của người có công						
17	Ngày vào Đảng	NgayVaoDang	Ngày vào Đảng	Date	x	
18	Ngày chính thức	NgayChinhThuc	Ngày chính thức vào Đảng	Date	x	
19	Cấp bậc	CapBac	Cấp bậc quân hàm/chức danh	String	x	
20	Chức vụ	ChucVu	Chức vụ đảm nhiệm	String	x	
21	Cơ quan đơn vị	CoQuanDonVi	Đơn vị công tác	String	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
22	Ngày nhập ngũ	NgayNhapNgu	Ngày nhập ngũ	Date	x	
23	Ngày phục viên	NgayPhucVien	Ngày phục viên/xuất ngũ	Date	x	
24	Thông tin về hoạt động cách mạng	TTHoatDongCM	Thông tin về hoạt động cách mạng	Object	x	
25	Thông tin về hoạt động kháng chiến	TTKhangChien	Thông tin về hoạt động kháng chiến	Object	x	
26	Thông tin về hoạt động vùng nhiễm CĐHH	TTChatDocHoaHoc	Thông tin về hoạt động vùng nhiễm CĐHH	Object	x	
27	Thông tin bị thương	TTBiThuong	Thông tin bị thương	Object	x	
28	Thông tin về tù đầy	TTTuDay	Thông tin về tù đầy	Object	x	
29	Thông tin Huân chương	ThongTinHuanChuong	Thông tin Huân chương	Object	x	
	Thông tin thân nhân của người có công					
30	Họ và tên	HoTen	Họ tên thân nhân	String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
31	Ngày sinh	NgaySinh	Ngày sinh	Date		x
32	Giới tính	MaGioiTinh	DM giới tính	Number		x
33	Số CCCD	SoCCCD	Số CCCD/ Số định danh	String		x
34	Ngày cấp	NgayCapCCCD	Ngày cấp CCCD	Date		x
35	Nơi cấp	NoiCapCCCD	Nơi cấp CCCD	String		x
36	Quê quán	QueQuan	Thông tin địa chỉ quê quán	Object		x
37	Nơi thường trú	ThuongTru	Thông tin địa chỉ thường trú	Object		x
38	Trạng thái	TrangThai	DM Tình trạng	Number	x	x
39	Quan hệ với người có công	MaQuanHe	DM quan hệ	Number		x
	Thông tin chính sách ưu đãi của người có công					
40	Đối tượng	DoiTuong	Thông tin đối tượng người có công	Object	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
41	Loại hưởng	MaLoaiHuong	DM loại hưởng	Number	x	
42	Số quyết định	SoQuyetDinh	Số quyết định	String	x	
43	Ngày quyết định	NgayQuyetDinh	Ngày ký quyết định	Date	x	
44	Nơi cấp quyết định	MaCoQuanBanHanh	DM cơ quan	Number	x	
45	Ngày bắt đầu hưởng	NgayBatDauHuong	Ngày bắt đầu hưởng	Date	x	
46	Ngày kết thúc hưởng	NgayKetThucHuong	Ngày kết thúc hưởng	Date	x	
47	Hệ số trợ cấp	HeSoTroCap	Hệ số trợ cấp	Number	x	
48	Mức trợ cấp	MucTroCap	Mức trợ cấp	String	x	
49	Hệ số phụ cấp	HeSoPhuCap	Hệ số phụ cấp	Number	x	
50	Mức phụ cấp	MucPhuCap	Mức phụ cấp	String	x	
51	Trạng thái hưởng	MaTrangThaiHuong	DM trạng thái hưởng	Number	x	
52	Thông tin điều chỉnh chế độ	ThongTinDieuChinhCheDo	Thông tin điều chỉnh theo quyết định	Object	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
	Thông tin chi trả của Người có công					
53	Kỳ chi trả	KyChiTra	Kỳ chi trả	String	x	
54	Trạng thái chi trả	MaTrangThaiChiTra	DM trạng thái chi trả	Number	x	
55	Ngày chi trả	NgayChiTra	Ngày thực hiện chi trả	Date	x	
56	Hình thức chi trả	MaHinhThucChiTra	DM hình thức chi trả	Number	x	
57	Họ tên người nhận	HoTenNguoiNhan	Tên người thực nhận trợ cấp	String	x	
58	Số CCCD người nhận	SoCCCDNguoiNhan	CCCD người nhận	String	x	
59	Số tài khoản	SoTaiKhoanNguoiNhan	Số tài khoản nhận tiền	String	x	
60	Tên tài khoản	TenTaiKhoanNguoiNhan	Tên chủ tài khoản	String	x	
61	Ngân hàng	MaNganHang	Mã ngân hàng	String	x	
62	Số tiền hưởng tháng hiện tại	SoTienHuongThang	Số tiền hưởng tháng hiện tại	String	x	
63	Số tiền truy lĩnh	SoTienTruyLinh	Số tiền truy lĩnh	String	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
64	Số tiền truy thu	SoTienTruyThu	Số tiền truy thu	String	x	
65	Số tiền tháng trước	SoTienThangTruoc	Số tiền hưởng kỳ trước	String	x	
66	Tổng tiền được lĩnh kỳ này	TongTienDuocLinh	Tổng tiền thực lĩnh	String	x	
	Thông tin ưu đãi khác của Người có công					
67	Thông tin bảo hiểm y tế	ThongTinBHYT	Thông tin hưởng BHYT	Object	x	
68	Thông tin điều dưỡng phục hồi sức khỏe	ThongTinDieuDuong	Thông tin điều dưỡng	Object	x	
69	Thông tin trợ cấp dụng cụ chỉnh hình	ThongTinDungCuChinhHinh	Thông tin dụng cụ chỉnh hình	Object	x	
70	Thông tin ưu tiên tuyển sinh, tạo việc làm	ThongTinTuyenSinhViecLam	Thông tin hỗ trợ tuyển sinh, việc làm	Object	x	
71	Thông tin hỗ trợ giáo dục	ThongTinGiaoDuc	Thông tin hỗ trợ học tập	Object	x	
72	Thông tin hỗ trợ nhà ở	ThongTinNhaO	Thông tin hỗ trợ nhà ở	Object	x	
73	Thông tin miễn/giảm tiền sử dụng đất	ThongTinDatDai	Thông tin đất đai	Object	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
74	Thông tin ưu tiên giao/thuê đất, mặt nước	ThongTinGiaoDat	Thông tin giao đất, mặt nước	Object	x	
75	Thông tin vay vốn ưu đãi	ThongTinVayVon	Thông tin vay vốn	Object	x	
76	Thông tin miễn/giảm thuế	ThongTinMienGiamThue	Thông tin miễn giảm thuế	Object	x	
77	Thông tin tặng quà tri ân	ThongTinTangQua	Thông tin tặng quà người có công	Object	x	
8	Cơ sở dữ liệu liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ					
	Thông tin nghĩa trang					
1	Tên nghĩa trang	TenNghiaTrang	Tên nghĩa trang	String		x
2	Địa chỉ	DiaChi	Địa chỉ của nghĩa trang	Object		x
3	Năm thành lập	NamThanhLap	Năm thành lập	Number		x
4	Đơn vị quản lý	DonViQuanLy	Đơn vị quản lý	String		x
5	Trạng thái hoạt động	TrangThai	DM Trạng Thái	Number		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
	Thông tin mộ					
6	Thông tin trên bia mộ	ThongTinBiaMo	Các thông tin được ghi trên bia mộ liệt sĩ	Object		x
7	Khu mộ	KhuMo	Khu mộ	Object		x
8	Lô mộ	LoMo	Lô mộ	Object		x
9	Số mộ	SoMo	Số mộ	Object		x
	Công trình ghi công liệt sĩ					
10	Tên công trình	TenCongTrinh	Tên công trình	String		x
11	Loại công trình	LoaiCongTrinh	Loại công trình	String		x
12	Địa chỉ	DiaChi	Địa chỉ	Object		x
13	Năm xây dựng	NamXayDung	Năm xây dựng	Number		x
14	Đơn vị quản lý	DonViQuanLy	Đơn vị quản lý	String		x
15	Tình trạng công trình	TinhTrang	DM tình trạng	String		x
16	Số liệt sĩ được ghi công	SoLietSiGhiCong	Số liệt sĩ được ghi công	Number		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
	Thông tin thăm viếng mộ liệt sĩ					
17	Thông tin về người thăm viếng	NguoiThamVieng	Thông tin về người thăm viếng mộ liệt sĩ	Object	x	
18	Thông tin về mộ liệt sĩ thăm viếng	MoThamVieng	Thông tin về mộ liệt sĩ được thăm viếng	Object	x	
19	Thời gian thăm viếng	ThoiGianThamVieng	Thông tin về thời gian thăm viếng mộ liệt sĩ	Object	x	
	Thông tin di chuyển hài cốt liệt sĩ					
20	Nơi chuyển đi	NoiChuyenDi	Thông tin về nơi mộ liệt sĩ chuyển đi	Object	x	
21	Nơi chuyển đến	NoiChuyenDen	Thông tin về nơi mộ liệt sĩ chuyển đến	Object	x	
22	Thời gian chuyển	ThoiGianChuyen	Thông tin về thời gian di chuyển mộ liệt sĩ	Object	x	

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
	Thông tin liệt sĩ					
23	Họ và tên	HoTen	Họ và tên người có công	String		x
24	Ngày sinh	NgaySinh	Ngày sinh	Date		x
25	Giới tính	MaGioiTinh	DM giới tính	Number		x
26	Nguyên quán	NguyenQuan	Thông tin địa chỉ nguyên quán	Object		x
27	Quê quán	QueQuan	Thông tin địa chỉ quê quán	Object		x
28	Ngày hi sinh	NgayHiSinh	Ngày hi sinh	Date		x
29	Số giấy báo tử	SoGiayBaoTu	Số giấy báo tử	String		x
30	Ngày cấp giấy báo tử	NgayCapGiayBaoTu	Ngày cấp giấy báo tử	Date		x
31	Cơ quan cấp giấy báo tử	CoQuanCapGiayBaoTu	Cơ quan cấp giấy báo tử	String		x
32	Cơ quan, đơn vị khi hy sinh	CoQuanDonViHySinh	Cơ quan, đơn vị khi hy sinh	String		x
33	Cấp bậc khi hy sinh	CapBacHySinh	Cấp bậc khi hy sinh	String		x

STT	Tên trường thông tin trong CSDL	Mã trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Dữ liệu chủ
34	Chức vụ khi hy sinh	ChucVuHySinh	Chức vụ khi hy sinh	String		x
35	Sổ bằng Tổ quốc ghi công	SoBangToQuocGhiCong	Sổ bằng Tổ quốc ghi công	String		x